

Bản án số: 37/2018/HS-ST

Ngày 11-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Bà Nguyễn Thị Phin.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân - Thư ký Toà án của Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS, ngày 18 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2018/QĐ-HPT ngày 04 tháng 7 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn H, sinh năm 1984 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xã HS, huyện GT, tỉnh ND; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Mai Thị T; có vợ là Bùi Thị L và 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 12 năm 2017, được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25 tháng 12 năm 2017; có mặt.

2. Đoàn Văn D, sinh năm 1988 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xã GN, huyện GT, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn T và bà Phạm Thị M; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 12 năm 2017, được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25 tháng 12 năm 2017; có mặt.

3. Nguyễn Trung T1, sinh năm 1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Đường ĐN,

phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Nhân viên điều hành xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P và bà Trần Thị Bích T; có vợ là Vũ Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 12 năm 2017, được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25 tháng 12 năm 2017; có mặt.

4. Nguyễn Thế L, sinh năm 1983 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xã HS, huyện GT, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành Đ (đã chết) và bà Đỗ Thúy N; có vợ là Nguyễn Thị Y và 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Có 01 tiền án đã được xóa án tích. Bản án hình sự sơ thẩm số: .../2010/HSST ngày ... tháng 11 năm 2010 bị Tòa án nhân dân thị xã NL, tỉnh Yên Bái xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 12 năm 2017, được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25 tháng 12 năm 2017; có mặt.

5. Đoàn Đình K1, sinh năm 1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn AQ, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn K và bà Vũ Thị T; có vợ là Nguyễn Thị D và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 12 năm 2017, được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25 tháng 12 năm 2017; vắng mặt.

6. Nguyễn Văn P, sinh năm 1982 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn CĐ, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Huy C và bà Đoàn Thị P; có vợ là Trần Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 12 năm 2017, được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25 tháng 12 năm 2017; có mặt.

7. Đặng Văn T2, sinh năm 1979 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xã GN, huyện GT, tỉnh ND; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thái H và bà Nguyễn Thị C (đã chết); có vợ là Lưu Thị M và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 12 năm 2017, được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25 tháng 12 năm 2017; có mặt.

8. Mai Văn K2 (tức Mai Văn H), sinh năm 1974 tại Nam Định. Nơi cư trú: Xã GN, huyện GT, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai

Văn T và bà Trần Thị H (đã chết); có vợ là Doãn Thị T và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17 tháng 12 năm 2017, được thay đổi biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25 tháng 12 năm 2017; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Trần Ngọc T3, vắng mặt.
2. Ông Trần Văn Đ, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 12 năm 2017, tại phòng trọ số 04 của gia đình anh Trần Ngọc T3 ở ĐQC, phường SD, quận HB, thành phố Hải Phòng, Phạm Văn H và Đoàn Đình K1 (là các đối tượng thuê nhà trọ) đã rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. H lấy bộ bát, đĩa bằng sứ màu trắng và 04 quân vị được cắt từ bộ bài tú lơ khơ (dụng cụ để đánh xóc đĩa) đã có sẵn trong phòng trọ ra làm cái. H và K1 cùng chơi được khoảng 15 phút thì lần lượt Đoàn Văn D, Mai Văn K2, Đặng Văn T2, Nguyễn Thế L, Nguyễn Văn P, Nguyễn Trung T1 cũng đến phòng trọ và cùng tham gia đánh bạc bằng hình thức “xóc đĩa”. H tiếp tục làm người cầm cái để cho những người còn lại đặt cược. Các đối tượng ngồi quây tròn lại dưới nền nhà để đánh bạc, ngồi bên tay trái của H là D, kế tiếp theo chiều kim đồng hồ thứ tự là T1, T2, L, K1, P, K2. Các đối tượng trên cùng thống nhất cách thức chơi như sau: Sử dụng 04 quân vị hình tròn, một mặt màu trắng, một mặt màu tối để trong chiếc đĩa và dùng chiếc bát úp lên, người cầm cái sẽ giữ chặt chiếc đĩa và chiếc bát bên trong có 04 quân vị xóc lên rồi để xuống chiếu bạc cho mọi người chơi chọn cửa chẵn hoặc cửa lẻ (cửa chẵn tức là khi mở bát, trên đĩa có 02 hoặc 04 quân đều có cùng màu; cửa lẻ là khi mở bát, trên đĩa có 01 trong số 04 quân có một mặt màu trắng hoặc mặt màu khác với các quân còn lại) để đặt tiền. Ai chọn cửa chẵn thì đặt tiền trong lòng người cầm cái, ai chọn cửa lẻ thì đặt tiền phía trước mặt người cầm cái, số tiền đặt cược tối thiểu là 50.000 đồng. Nếu khi mở bát về đúng cửa lẻ hoặc cửa chẵn mà người chơi đã chọn thì người chơi thắng, được nhà cái trả bằng số tiền đặt cược; ngược lại nếu khi mở bát không đúng với cửa mà người chơi đã chọn thì người cầm cái sẽ được số tiền người chơi đã đặt cược. Đến khoảng 21 giờ 15 phút, H chuyển cho D cầm cái còn H là người đặt cược. Mọi người tiếp tục chơi theo hình thức như trên, đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc: 01 bộ bát đĩa sứ màu trắng, 04 quân vị làm từ lá bài tú lơ khơ, 01 chẵn dạng nỉ, 01 chiếu nhựa và số tiền 12.150.000 (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng. Qua điều tra đã xác định được: H bỏ ra 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng; T1

bỏ ra 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng; L bỏ ra 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng; D bỏ ra 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng; K1 bỏ ra 1.000.000 (một triệu) đồng; P bỏ ra 800.000 (tám trăm nghìn) đồng; T2 bỏ ra 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng; K2 bỏ ra 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng để chơi xóc đĩa. Khi bị bắt các đối tượng không biết cụ thể số tiền mình đã thắng thua. Như vậy, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 12.150.000 (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Tại Cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo Phạm Văn H, Đoàn Văn D, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Thế L, Đoàn Đình K1, Nguyễn Văn P, Đặng Văn T2 và Mai Văn K2 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 248 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như nội dung Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo đồng phạm tội “Đánh bạc”. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, khoản 2 Điều 35, Điều 58, Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Phạm Văn H từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Phạt bị cáo Phạm Văn H số tiền từ 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng đến 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;

Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Đoàn Văn D từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án;

Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế L từ 03 tháng tù đến 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 06 tháng đến 12 tháng tính từ ngày tuyên án.

Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung T1 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 24 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 08 ngày (từ ngày 17-12-2017 đến ngày 25-12-2017) và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T1;

Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Đoàn Đình K1 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 24 ngày cải tạo không

giam giữ do đã bị tạm giữ 08 ngày (từ ngày 17-12-2017 đến ngày 25-12-2017) và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo K1;

Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 36, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ, trừ 24 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 08 ngày (từ ngày 17-12-2017 đến ngày 25-12-2017) và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo P;

Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 35, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Đặng Văn T2 hình phạt chính là phạt tiền từ 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng đến 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;

Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Mai Văn K2 hình phạt chính là phạt tiền từ 10.000.000 (mười triệu) đồng đến 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng;

Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bát đĩa sứ; 04 quân vị; tịch thu tiêu hủy 01 chăn dạng nỉ; 01 chiếu nhựa; tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 12.150.000 (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bị cáo Đoàn Đình K1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Đình K1 vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các bị cáo Phạm Văn H, Đoàn Văn D, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Thế L, Đoàn Đình K1, Nguyễn Văn P, Đặng Văn T2 và Mai Văn K2 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Các bị cáo Phạm Văn H, Đoàn Văn D, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Thế L, Đoàn Đình K1, Nguyễn Văn P, Đặng Văn T2 và Mai Văn K2 đều thừa nhận đã có hành vi đánh xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà của anh Trần Ngọc T3 với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 12.150.000 (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng (trong đó: Bị cáo Phạm Văn H sử dụng 2.800.000 (hai triệu tám trăm nghìn) đồng, bị cáo Đoàn Văn D sử dụng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, bị cáo Nguyễn Trung T1 sử dụng 2.700.000 (hai triệu bảy trăm nghìn) đồng, bị cáo Nguyễn Thế L sử dụng 2.600.000 (hai triệu sáu trăm nghìn) đồng, bị cáo Đoàn Đình K1 sử dụng 1.000.000 (một triệu) đồng, bị cáo Nguyễn Văn P sử dụng 800.000 (tám trăm nghìn) đồng, bị cáo Đặng Văn T2 sử dụng 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, bị cáo Mai Văn K2g sử dụng 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng để đánh bạc). Các bị cáo đều có ý kiến biểu hiện rõ sự ăn năn, hối hận về việc thực hiện hành vi phạm tội, mong muốn sửa chữa lỗi lầm thông qua việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tích cực lao động chân chính. Các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Đoàn Đình K1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Đình K1 vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo Đoàn Đình K1.

[3] Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội: Các bị cáo Phạm Văn H, Đoàn Văn D, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Thế L, Đoàn Đình K1, Nguyễn Văn P, Đặng Văn T2 và Mai Văn K2 đều thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo là thống nhất với nhau; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản ghi lời khai của người làm chứng và các vật chứng đã thu giữ tại hiện trường vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 1, khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết số: 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định các bị cáo Phạm Văn H, Đoàn Văn D, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Thế L, Đoàn Đình K1, Nguyễn Văn P, Đặng Văn T2 và Mai Văn K2 đồng phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng truy tố hành vi phạm tội của các bị cáo về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[4] Về pháp luật áp dụng: Hành vi phạm tội của các bị cáo xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01-01-2018 (trước ngày Bộ luật Hình sự năm 2015 có hiệu lực). So sánh khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 với khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015. Thấy rằng, các yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 có lợi hơn. Vì vậy, căn cứ Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, điểm c Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14, ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội quy định trong trường hợp này, vẫn áp dụng quy định tương ứng của các văn bản quy phạm pháp luật về hình sự có hiệu lực trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018 để giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết.

[5] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm để răn đe, trừng trị đối với các bị cáo, qua đó nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh, phòng ngừa tệ nạn xã hội này.

[6] Về vai trò, tính chất và mức độ phạm tội của các bị cáo: Xét thấy, bị cáo Phạm Văn H đầu tiên cầm cái và sử dụng 2.800.000 đồng để đánh bạc nên xác định Phạm Văn H tham gia tích cực, có vai trò cao nhất. Bị cáo Đoàn Văn D là người cầm cái sau bị cáo Phạm Văn H và sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, nên bị cáo Đoàn Văn D có vai trò thứ hai. Các bị cáo khác tham gia đánh bạc với số tiền cụ thể như sau: Nguyễn Trung T1 sử dụng 2.700.000 đồng, Nguyễn Thế L sử dụng 2.600.000 đồng, Đoàn Đình K1 sử dụng 1.000.000 đồng, Nguyễn Văn P sử dụng 800.000 đồng, bị cáo Đặng Văn T2 sử dụng 600.000 đồng, bị cáo Mai Văn K2 sử dụng 150.000 đồng. Vì vậy, cần xem xét mức tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc để đánh giá tính chất, mức độ tham gia của từng bị cáo, trên cơ sở đó sẽ quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

[8] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo nên áp dụng quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo H, D, T1, Lương, K1, P, T2, K2.

[9] Các bị cáo Phạm Văn H, Đoàn Văn D, Nguyễn Trung T1, Đoàn Đình K1, Nguyễn Văn P, Đặng Văn T2 và Mai Văn K2 chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Nguyễn Thế L có 01 tiền án, Bản án hình sự sơ thẩm số: .../2010/HSST ngày ... tháng ... năm 2010 Tòa án nhân dân thị xã NL, tỉnh Yên Bái bị xử phạt 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, nhưng đã được xóa án tích. Bởi vậy, căn cứ điểm d khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số: 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24-4-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì lần này bị cáo L phạm tội được coi là phạm tội lần đầu. Bởi vậy, xác định các bị cáo trên phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[10] Bị cáo Phạm Văn H có bác ruột là thương binh, bị cáo Đoàn Văn D có ông nội là liệt sỹ và ông ngoại là thương binh, bố của bị cáo Đặng Văn T2 có Huân chương chiến sỹ giải phóng chống Mỹ hạng nhất, bố của bị cáo Nguyễn Văn P là thương binh, bố của bị cáo Nguyễn Thế L đã có thời gian phục vụ trong Quân đội nhân dân Việt Nam, nên áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình

sự năm 2015 coi đây là các tình tiết giảm nhẹ khác cho các bị cáo khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo H, D, T2, P, L.

Về áp dụng hình phạt:

Xét nhân thân, vai trò, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá như sau:

[11] Bị cáo Phạm Văn H và bị cáo Đoàn Văn D có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, người phạm tội có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo Nguyễn Thế L có 01 tiền án với lỗi vô ý đã được xoá án tích tính đến thời điểm phạm tội đã hơn 01 năm. Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo L thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo Nguyễn Thế L được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Bởi vậy, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng cho các bị cáo H, D và L được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, như vậy là phù hợp với quy định hướng dẫn tại Điều 2 Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[12] Các bị cáo Nguyễn Văn P, Đoàn Đình K1, Nguyễn Trung T1 đều là người phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, tham gia có mức độ vai trò thấp hơn các bị cáo H và D nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo P, K1 và T1. Giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú để giám sát, giáo dục là đủ tác dụng cải tạo, giáo dục và đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

[13] Các bị cáo Mai Văn K2 và bị cáo Đặng Văn T2 phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, số tiền đánh bạc ít hơn so với các bị cáo khác, có nơi cư trú rõ ràng. Theo đơn xin bảo lãnh, ý kiến của tổ dân phố, của Ủy ban nhân dân phường, của công an phường nơi cư trú của các bị cáo, đánh giá các bị cáo là người có trách nhiệm, lao động chính trong gia đình, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước tại địa phương, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, đang có việc làm. Bởi vậy, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo K2 và bị cáo T2 theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về hình phạt bổ sung:

[14] Theo quy định tại khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999 bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo Phạm Văn H là người tham gia tích cực và có vai trò cao nhất, bị cáo có việc làm và tài sản riêng nên áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Phạm Văn H như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng là có cơ sở. Bị cáo Đoàn Văn D và bị cáo Nguyễn Thế L còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Xét thấy, bị cáo D và bị cáo L không có tài sản riêng, không có việc làm, không có thu nhập, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo D và bị cáo L.

[15] Các bị cáo Nguyễn Trung T1, Đoàn Đình K1, Nguyễn Văn P không có tài sản riêng, không có việc làm, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T1, bị cáo K1 và bị cáo P.

[16] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 bộ bát đĩa bằng sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn cắt từ lá bài Tú lơ khơ là phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chăn dạng nỉ và 01 chiếu nhựa của bị cáo H không liên quan đến tội phạm nhưng bị cáo H không nhận lại vì không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy. Đối với số tiền 12.150.000 (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[17] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, khoản 2 Điều 35, Điều 58, Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H 12 (mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi tư) tháng kể từ ngày tuyên án.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Phạm Văn H 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã HS, huyện GT, tỉnh Nam Định để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo được hưởng án treo có trách nhiệm kết hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Văn D 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã GN, huyện GT, tỉnh Nam Định để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo được hưởng án treo có trách nhiệm kết hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 65, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thế L 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã HS, huyện GT, tỉnh Nam Định để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo được hưởng án treo có trách nhiệm kết hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã được hưởng án treo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trung T1 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo được trừ 24 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 08 ngày (từ ngày 17-12-2017 đến ngày 25-12-2017). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 14 (mười bốn) tháng 06 (sáu) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Trung T1.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường CT, quận NQ, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Đình K112 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo được trừ 24 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 08 ngày (từ ngày 17-12-2017 đến ngày 25-12-2017). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 11 (mười một) tháng 06 (sáu) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đoàn Đình K1.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 36, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”. Bị cáo được trừ 24 ngày cải tạo không giam giữ do đã bị tạm giữ 08 ngày (từ ngày 17-12-2017 đến ngày 25-12-2017). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại là 08 (tám) tháng 06 (sáu) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Nguyễn Văn P.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 35, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Đặng Văn T2 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 17, Điều 58, Điều 35, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt: Mai Văn K2 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bát đĩa bằng sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn cắt từ lá bài Tú lơ khơ, 01 chăn dạng nỉ, 01 chiếu nhựa.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 12.150.000 (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số: 7273 ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Phạm Văn H, Đoàn Văn D, Nguyễn Trung T1, Nguyễn Thế L, Nguyễn Văn P, Đặng Văn T2 và Mai Văn K2 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Đoàn Đình K1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở tư pháp thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Công an quận Hồng Bàng;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- CQTHS hình sự;
- Chi cục THA Dân sự;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Huyền